| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ LƯƠNG**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2021
V/v kiện xin ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Hồng Khánh

*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư;

2. Bà Nguyễn Thị Chuyên.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Miền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST - HNGĐ, ngày 02/3/2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1992 (có mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm P1, xã P2, huyện P, tỉnh T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn là Hoàng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D kết hôn với anh T1 năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn hai anh chị được tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Sau khi kết hôn, hai anh chị về chung sống với nhau ở xóm P1, xã P2, huyện P, tỉnh T. Thời gian đầu hai anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, quá trình chung sống anh T1 dần dần có những thói hư tật xấu, thường chơi cờ bạc, lô đề, không chịu khó làm ăn. Chị D đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T1 không thay đổi. Hai anh chị đã sống ly thân với nhau, đến nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Hai anh chị có 02 con chung là Hoàng Văn T2, sinh ngày 06/5/2015 và Hoàng Phương T3, sinh ngày 02/5/2018. Chị D có nguyện vọng được T1 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh T1 nhưng anh T1 không có mặt tại Tòa án để làm việc, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Do các đương sự chưa thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị D vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như trên.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn T1; về con chung: Giao cháu Hoàng Văn T2, sinh ngày 06/5/2015 và Hoàng Phương T3, sinh ngày 02/5/2018 cho chị D T1 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1 vì chị D không yêu cầu, anh T1 được quyền đi lại thăm nom con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét giải quyết; chị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn giữa nguyên đơn là chị Hoàng Thị D và bị đơn là anh Hoàng Văn T1 (địa chỉ tại xóm P1, xã P2, huyện P, tỉnh T). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết, Tòa án đã đến gia đình anh T1 tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa đối với anh Hoàng Văn T1, anh T1 có nhà nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, từ chối việc cán bộ Tòa án lấy lời khai và không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T1 .

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T1 kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên năm 2015,

như vậy hôn nhân giữa chị D và anh T1 là hợp pháp. Thời gian đầu hai anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, hai anh chị đang sống ly thân, không còn sự liên hệ qua lại với nhau, quan hệ hôn nhân đã không tồn tại trên thực tế. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị D và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giải quyết cho chị D được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Hai anh chị có 02 con chung là Hoàng Văn T2, sinh ngày 06/5/2015 và Hoàng Phương T3, sinh ngày 02/5/2018. Chị D có nguyện vọng được T1 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị D là chính đáng, chị D làm công nhân tại Khu công nghiệp A, thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/tháng, với mức thu nhập này có thể đảm bảo nuôi dưỡng cả hai con chung. Do vậy, giao cả hai con chung cho chị D T1 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ để chấp nhận.

*Vì các lẽ nêu trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị D. Cho chị Hoàng Thị D ly hôn anh Hoàng Văn T1 .

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Hoàng Văn T2, sinh ngày 06/5/2015 và Hoàng Phương T3, sinh ngày 02/5/2018 cho chị D T1 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh Hoàng Văn T1 do chị D không yêu cầu. Anh T1 được quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Án phí: Chị Hoàng Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008056 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- UBND xã Phú Đô;
- Các Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Hồng Khánh**

**Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Hồng Khánh**

**Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Hồng Khánh**